

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 6 - 2024
Về việc “Tranh chấp ly hôn và
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Trãi.
- Ông Hồ Minh Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phan Minh Th**, sinh năm 1986. (có mặt)
Địa chỉ: Số Y, khu vực X, phường Tr, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thúy A**, sinh năm 1990. (có mặt)
Địa chỉ: Số Y, khu vực X, phường Tr, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Minh Th trình bày:**

Vào năm 2012, sau một thời gian tìm hiểu nên anh và chị Nguyễn Thúy A đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường Lạc. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình, chị A thường hay ghen tuông vô cớ, anh có giải thích nhưng chị A không nghe, vợ chồng thường hay cãi vã nhau, anh vì thương con cố hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị A.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Phan Minh T (nam, sinh ngày 24/02/2014), cháu Phan Minh Th1 (nam, sinh ngày 08/9/2016) và cháu Phan Thảo T1 (nữ, sinh ngày 26/9/2022). Anh đồng ý cho chị A được nuôi dưỡng cháu T, cháu Th1 và cháu T1 đến trưởng thành, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu số tiền 2.000.000 đồng/tháng (*Hai triệu đồng*), cấp dưỡng vào ngày 25 hàng tháng, tính từ khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*** *Tại Bản tự khai ngày 14/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thúy A trình bày:***

Năm 2012, sau một thời gian tìm hiểu, chị và anh Phan Minh Th đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường Lạc. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với cha mẹ chồng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, cũng không có cãi vã gì nhau. Đến khoảng năm 2023, anh Th có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị có nghe được anh Th nói chuyện với người phụ nữ khác và xung hô vợ chồng với nhau, vì con cái, chị đã cố gắng bỏ qua tất cả. Đến ngày 03/01/2024, chị phát hiện anh Th ngồi kế người phụ nữ khác ở quán Nhi (Ô Môn), sau đó chị không làm lớn chuyện và đồng ý hàn gắn với anh Th để vợ chồng tiếp tục chung sống nuôi con nhưng anh Th không muốn hàn gắn với chị. Sau khi xảy ra sự việc, anh Th tự ý dọn đồ bỏ đi, còn chị tiếp tục ở chung với cha mẹ chồng và nuôi con, trong thời gian qua anh Th không về nhà thăm con và cũng không chu cấp tiền nuôi con, chị phải chở con tới chỗ anh Th làm để con được gặp anh Th. Nay chị không đồng ý ly hôn với anh Th, chị yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng tiếp tục chung sống để lo cho các con.

- Về con chung: Có 03 con chung là cháu Phan Minh T (nam, sinh ngày 24/02/2014), cháu Phan Minh Th1 (nam, sinh ngày 08/9/2016) và cháu Phan Thảo T1 (nữ, sinh ngày 26/9/2022). Hiện nay, cháu T, cháu Th1 và cháu T1 đang sống chung với chị. Trường hợp phải ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, cháu Th1 và cháu T1 đến trưởng thành, về việc cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý với thỏa thuận của anh Th.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn anh Phan Minh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với chị A. Anh đồng ý cho chị A được nuôi dưỡng cháu T, cháu Th1 và cháu T1 đến trưởng thành, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T, cháu Th1 và cháu T1 mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng/cháu (*Hai triệu đồng*), cấp dưỡng vào ngày 25 hàng tháng, tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung, không có.

- Bị đơn chị Nguyễn Thúy A không đồng ý ly hôn. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, cháu Th1 và cháu T1 đến trưởng thành, về việc cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý với thỏa thuận của anh Th. Về tài sản chung và nợ

chung, không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Phan Minh Th và chị Nguyễn Thúy A tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, anh Th khởi kiện ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chưa thành niên nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: anh Th và chị A là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/9/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Trường Lạc.

Tại phiên tòa, anh Th cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình. Vào khoảng tháng 3/2023, anh làm ăn bị thua lỗ, gia đình không tin tưởng nên cho rằng anh có quan hệ tình cảm với người khác làm tiêu hao tiền bạc trong gia đình, xuất phát từ việc chị A không tin tưởng anh nên vợ chồng thường hay cãi vã, dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Do không thể tiếp tục chung sống với chị A nên anh đã dọn ra ngoài sống riêng từ tháng 01/2024, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị A.

Chị A thì cho rằng vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Khoảng năm 2023, anh Th có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị có nghe được anh Th nói chuyện với người phụ nữ khác và xưng hô vợ chồng với nhau. Đến ngày 03/01/2024, chị phát hiện anh Th ngồi kế người phụ nữ khác ở quán Nhi (Ô Môn), sau đó chị đã không làm lớn chuyện nhưng anh Th đã tự ý bỏ đi từ tháng 01/2024 đến nay. Trong thời gian qua, chị có chủ động liên lạc với anh Th để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Th không muốn hàn gắn. Mặc dù chị và anh Th không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vì mong muốn các con có đầy đủ cha mẹ nên chị không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống, giữa anh Th và chị A có mâu thuẫn không hàn gắn được nên anh Th làm đơn khởi kiện ly hôn. Mặc dù chị A cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng tại phiên tòa, cả anh Th và chị A đều xác định không thể hàn gắn được, việc chị A nghi ngờ anh Th có quan hệ tình cảm với người khác đã dẫn đến việc vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, sự việc kéo dài dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, anh Th xác định không thể tiếp tục chung sống với chị A. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh Th đối với chị A là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh Th và chị A Có 03 con chung là cháu Phan Minh T (nam, sinh ngày 24/02/2014), cháu Phan Minh Th1 (nam, sinh ngày 08/9/2016) và cháu Phan Thảo T1 (nữ, sinh ngày 26/9/2022). anh Th đồng ý cho chị A được nuôi dưỡng cháu T, cháu Th1 và cháu T1 đến trưởng thành, anh Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T, cháu Th1 và cháu T1 mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng/cháu (*Hai triệu đồng*), cấp dưỡng vào ngày 25 hàng tháng, tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành. chị A đồng ý.

Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, sự thỏa thuận này có đảm bảo mọi mặt về quyền lợi chính đáng của các cháu, phù hợp với nguyện vọng của cháu T, cháu Th1 và không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh Th được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản anh Th thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Th và chị A xác định quá trình chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Th phải chịu án phí không có giá ngạch (yêu cầu ly hôn) là 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 và án phí không có giá ngạch (về việc cấp dưỡng) là 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Minh Th.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Minh Th được ly hôn với chị Nguyễn Thúy A.

2/ Về con chung: Giáo cháu Phan Minh T (nam, sinh ngày 24/02/2014), cháu Phan Minh Th1 (nam, sinh ngày 08/9/2016) và cháu Phan Thảo T1 (nữ, sinh ngày 26/9/2022) cho chị A nuôi dưỡng đến trưởng thành. Đồng thời, cháu T và cháu Th1 có nguyện vọng được sống chung với chị A.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Minh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phan Minh T, cháu Phan Minh Th1 và cháu Phan Thảo T1 mỗi tháng với số tiền là 2.000.000 đồng/cháu (*Hai triệu đồng*). Việc cấp dưỡng thực hiện vào ngày 25 hàng tháng, tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T, cháu Th1 và cháu T1 trưởng thành.

anh Th được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản anh Th thực hiện quyền này.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Minh Th và chị Nguyễn Thúy A cùng xác định không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Minh Th phải nộp số tiền 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*). Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004669 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thì anh Th còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P. Trờng Lạc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Bùi Trần Thanh Thế